TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học Kỳ 2 - Năm Học 2016 – 2017
(Từ 15/5/2017 đến 03/6/2017)

Cơ sở Phú Thọ
(Giáo dục Tiểu học và Mầm non, Thể dục thể thao, Nghệ thuật, Toán - Tin, KHXH&NV, Tâm lý giáo dục, lý luận chính trị).

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
1.	TH2304	Tiếng Việt 1 (*)	1	1614D03A (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	26	15/5/2017	07g00	A6102	GDTH&MN
				1614D03A (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	15			A6103	
				1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	11				
				1614D03A (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	21			A6104	
				1614D03A (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	21			A6105	
				1412C09A (K12 CĐ Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2017)	3				
				1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	11			A6106	
				1614C09A (K14 CĐ Giáo dục Tiểu học)	13				
2.	TH2244	Đạo đức và PPDH đạo đức ở tiểu học (**)	1	1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học	25	15/05/17	07g00	A6107	LLCT
				1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học	25			A6108	
				1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học	24			A6203	
				1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	1				
				1311D03A (K11 ĐH Giáo dục Tiểu học A - 2013 - 2017)	2				
3.	TH2274	Rèn luyện và PT một số kỹ năng dạy học Toán ở tiểu học (**)	1	1513D03T (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học (Liên thông))	18	15/5/2017	13g15	A6102	GDTH&MN
				1614D03T (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học (Liên thông))	7				

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
4.	AN2226	Lịch sử âm nhạc phương Đông (*)	1	1412D60A (K12 ĐHSP Âm nhạc)	5	15/05/17	13g15	A18201	NGHỆ THUẬT
				1614D60T (K14 ĐH Sư phạm Âm nhạc (Liên thông))	3				
5.	TI2252	Ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non (**)	1, 2	1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non)	20	15/05/17	13g15	A8203	KỸ THUẬT - CN
				1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non)	20			A8204	
				1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non)	20		15g30	A8203	
				1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non)	16			A8204	
				1614D05T (K14 ĐH Giáo dục Mầm non (Liên thông))	3				
				1311D05A (K11 ĐH Giáo dục Mầm non A - 2013 - 2017)	3				
6.	TC2272	Bóng chuyền chuyên sâu 2 (***)	1	1412D70A (K12 ĐH Giáo dục Thể chất)	12	15/05/17	13g15	A7102	TDTT
				1614D70T (K14 ĐH Giáo dục Thể chất (Liên thông))	1				
7.	TH2362	Tiếng Việt, Văn học và PPDH (*)	1	1412C09A (K12 CĐ Giáo dục Tiểu học)	18	15/05/17	13g15	A6106	GDTH&MN
				1412C09A (K12 CĐ Giáo dục Tiểu học)	18			A6107	
8.	TG2239	Giáo dục gia đình cho trẻ em lứa tuổi mầm non (*)	1	1513D05B (K13 ĐH Giáo dục Mầm non B)	24	16/05/17	07g00	A6108	TLGD
				1513D05B (K13 ĐH Giáo dục Mầm non B)	23			A6107	
				1513D05T (K13 ĐH Giáo dục Mầm non (Liên thông))	1				
				1614D05T (K14 ĐH Giáo dục Mầm non (Liên thông))	3				
9.	TG1206	Giáo dục học đại cương (**)	1	1614C08A (K14 CĐ Giáo dục Mầm non)	29	16/05/17	07g00	A6204	TLGD
				1311D70A (K11 ĐH Giáo dụcThể chất A - 2013 - 2017)	2				
				1311D05A (K11 ĐH Giáo dục Mầm non A - 2013 - 2017)	1				
				1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2018)	1				
				1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non - 2014 - 2018)	2			A6203	
				1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	14				
				1513C09A (K13 CĐ Giáo dục Tiểu học)	3				
				1614C09A (K14 CĐ Giáo dục Tiểu học)	13				
				1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)	1				

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
	TG1206	Giáo dục học đại cương (**)	1	1311D23A (K11 ĐHSP Sinh học A - 2013 - 2017)	1	16/05/17	07g00	A6203	
				1311C23A (K11 CĐSP Sinh học (Sinh - Hoá) A - 2013 - 2016)	1				
10.	TH1222	Xác suất thống kê (*)	2	1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	30	16/05/17	07g00	A6102	GDTH&MN
				1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	30			A6103	
				1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	32			A6104	
				1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	32			A6105	
				1513D03T (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học (Liên thông))	2			A6106	
				1311D03A (K11 ĐH Giáo dục Tiểu học A - 2013 - 2017)	1				
				1412C09A (K12 CĐ Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2017)	2				
				1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2018)	11				
				1210D70A (K10 ĐH Giáo dục thể chất A - 2012 - 2016)	1				
11.	MN1271	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non (**)	1	1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	23	17/05/17	07g00	A6102	GDTH&MN
				1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	23			A6103	
				1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	23			A6104	
12.	LC2224	Đạo đức và PPDH đạo đức ở Tiểu học (**)	1	1513C09A (K13 CĐ Giáo dục Tiểu học)	21	17/05/17	07g00	A6105	LLCT
				1513C09A (K13 CĐ Giáo dục Tiểu học)	21			A6106	
				1412C09A (K12 CĐ Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2017)	1				
13.	AN2262	Thanh nhạc 3 (**)	1	1412D60A (K12 ĐHSP Âm nhạc)	5	17/05/17	07g00	A18102	NGHỆ THUẬT
				1614D60T (K14 ĐH Sư phạm Âm nhạc (Liên thông))	3				
14.	TH2247	Âm nhạc (**)	1	1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học)	25	17/05/17	07g00	A6102	NGHỆ THUẬT
				1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học)	25		13g15	A6103	
				1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học)	24		15g30	A6104	
				1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	2				
				1311D03A (K11 ĐH Giáo dục Tiểu học A - 2013 - 2017)	1				

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
15.	AN2266	Phân tích tác phẩm âm nhạc 2 (*)	1	1412D60A (K12 ĐHSP Âm nhạc)	5	17/05/17	13g15	A18201	NGHỆ THUẬT
				1311D60A (K11 ĐHSP Âm nhạc)	1				
16.	MN2246	LL và PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ em (*)	1	1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non)	26	17/05/17	13g15	A6105	GDTH&MN
				1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non)	26			A6106	
				1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non)	24			A6107	
17.	TC2363	Bóng bàn (**)	1	1412D70A (K12 ĐH Giáo dục Thể chất)	12	17/05/17	13g15	A6108	TDTT
				1614D70T (K14 ĐH Giáo dục Thể chất (Liên thông))	3				
18.	MN2334	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non (*)	1	1412C08A (K12 CĐ Giáo dục Mầm non	20	17/05/17	13g15	A6203	GDTH&MN
				1412C08A (K12 CĐ Giáo dục Mầm non	19			A6204	
19.	AN2367	Chỉ huy (**)	1	1513D60A (K13 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	14	18/05/17	07g00	A18201	NGHỆ THUẬT
20.	MT2269	Bố cục (3) (**)	1	1513D61A (K13 ĐH Sư phạm Mỹ thuật)	2	18/05/17	07g00	A18202	NGHỆ THUẬT
21.	DL2273	Cơ sở tự nhiên và Xã hội 2 (*)	1	1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	33	18/05/17	07g00	A6102	KHXH&NV
				1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	28			A6103	
				1513C09A (K13 CĐ Giáo dục Tiểu học)	4				
			2	1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	32			A6104	
				1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	32			A6105	
				1614C09A (K14 CĐ Giáo dục Tiểu học)	13			A6106	
				1614D03T (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học (Liên thông))	1				
				1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2018)	1				

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
22.	TG2214	Tâm lý học trẻ em 2 (*)	2	1513D05A (K13 ĐH Giáo dục Mầm non A)	25	18/05/17	07g00	A6107	TLGD
				1513D05A (K13 ĐH Giáo dục Mầm non A)	25			A6108	
				1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non - 2014 - 2018)	6				
				1513D05B (K13 ĐH Giáo dục Mầm non B)	28			A6203	
				1513D05B (K13 ĐH Giáo dục Mầm non B)	27			A6204	
				1311D05A (K11 ĐH Giáo dục Mầm non A - 2013 - 2017)	4				
				1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	24			A6205	
				1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	23			A6206	
23.	TG2216	Giáo dục học trẻ em 2 (*)	2	1412C08A (K12 CĐ Giáo dục Mầm non - 2014 - 2017)	1				
24.	AN2206	Lí thuyết âm nhạc cơ bản 2 (*)	1	1614D60A (K14 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	6	18/05/17	13g15	A18201	NGHỆ THUẬT
				1210D60A (K10 ĐHSP Âm nhạc A - 2012 - 2016)	2				
				1311D60A (K11 ĐHSP Âm nhạc A - 2013 - 2017)	1				
25.	MT2388	Mỹ thuật (**)	1	1614D05A (K14 ĐH Giáo dục Mầm non A)	27	18/05/17	13g15	A6102	NGHỆ THUẬT
				1614D05A (K14 ĐH Giáo dục Mầm non A)	27			A6103	
				1614D05A (K14 ĐH Giáo dục Mầm non B)	27			A6104	
				1614D05A (K14 ĐH Giáo dục Mầm non B)	26			A6105	
26.	MN2219	Đồ chơi (*)	1	1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	23	19/05/17	07g00	A6102	GDTH&MN
				1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	23			A6103	
				1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	23			A6104	
27.	TH2246	PPDH thủ công và kỹ thuật ở tiểu học (*)	4	1513C09A (K13 CĐ Giáo dục Tiểu học)	21	19/05/17	07g00	A6105	GDTH&MN
				1513C09A (K13 CĐ Giáo dục Tiểu học)	21			A6106	
28.	TH1223	Toán sơ cấp (***)	1	1614D03A (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	21	19/05/17	07g00	A8203	GDTH&MN
				1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	3				
				1614D03A (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	20			A8204	
				1614D03T (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học (Liên thông))	7				

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
	H1223	Toán sơ cấp (***)	1	1614D03A (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	21	19/05/17	09g30	A8203	
				1614D03A (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	21			A8204	
				1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	2				
				1513D03T (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học (Liên thông))	1				
29.	AN2263	Phương pháp học đàn phím điện tử 3 (**)	1	1412D60A (K12 ĐHSP Âm nhạc)	5	19/05/17	13g15	A18201	NGHỆ THUẬT
				1614D60T (K14 ĐH Sư phạm Âm nhạc (Liên thông))	3				
30.	TH2263	PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 1 (**)	1	1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học)	25	19/05/17	13g15	A6102	GDTH&MN
				1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học)	25			A6103	
				1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học)	24			A6104	
				1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	1				
				1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	1				
				1311D03A (K11 ĐH Giáo dục Tiểu học A - 2013 - 2017)	1				
31.	MN2345	LL và PP cho trẻ làm quen với TPVH (*)	1	1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non)	26	19/05/17	13g15	A6105	GDTH&MN
				1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non)	26			A6106	
				1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non)	24			A6107	
32.	TC2289	Aerobic (**)	1	1412D70A (K12 ĐH Giáo dục Thể chất)	12	19/05/17	13g15	A7102	TDTT
				1513D70A (K13 ĐH Giáo dục thể chất)	8				
				1614D70A (K14 ĐH Giáo dục Thể chất)	7				
				1614D70T (K14 ĐH Giáo dục Thể chất (Liên thông))	2				
				1311D70A (K11 ĐH Giáo dụcThể chất A - 2013 - 2017)	4				
33.	MN2347	LL và PP hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ em (**)	1	1412C08A (K12 CĐ Giáo dục Mầm non	20	19/05/17	13g15	A6108	GDTH&MN
				1412C08A (K12 CĐ Giáo dục Mầm non	19			A6203	
34.	MT2274	Thực tế chuyên môn 1 (**)	1	1513D61A (K13 ĐH Sư phạm Mỹ thuật)	2	20/05/17	07g00	A18202	NGHỆ THUẬT

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
35.	MN2257	Lý luận văn học và văn học trẻ em (*)	1	1513D05A (K13 ĐH Giáo dục Mầm non A)	27	20/05/17	07g00	A6203	GDTH&MN
				1513D05A (K13 ĐH Giáo dục Mầm non A)	26			A6204	
				1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non - 2014 - 2018)	2				
				1513D05B (K13 ĐH Giáo dục Mầm non B)	28			A6205	
				1513D05B (K13 ĐH Giáo dục Mầm non B)	27			A6206	
36.	AN2334	Kí - Xướng âm 2 (**)	1	1614D60A (K14 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	6	20/05/17	13g15	A18201	NGHỆ THUẬT
				1210D60A (K10 ĐHSP Âm nhạc A - 2012 - 2016)	1				
37.	TH1203	Phong cách học Tiếng Việt (**)	1	1614D03A (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	21	20/05/17	13g15	A6203	GDTH&MN
				1614D03A (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	20			A6204	
				1614D03T (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học (Liên thông))	7				
38.	MN2258	Dinh dưỡng trẻ em (*)	2	1614D05A (K14 ĐH Giáo dục Mầm non B)	27	20/05/17	13g15	A7104	GDTH&MN
				1614D05A (K14 ĐH Giáo dục Mầm non B)	26			A7105	
			1	1614C08A (K14 CĐ Giáo dục Mầm non)	19			A7106	
				1614C08A (K14 CĐ Giáo dục Mầm non)	10			A7107	
				1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	7				
39.	MN2244	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ (***)	1	1614D05A (K14 ĐH Giáo dục Mầm non A)	27	22/05/17	07g00	A8203	GDTH&MN
40.				1614D05A (K14 ĐH Giáo dục Mầm non A)	27			A8204	
41.	TH1203	Phong cách học Tiếng Việt (**)	1	1614D03A (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	21	22/05/17	07g00	A6102	GDTH&MN
				1614D03A (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	21			A6103	
42.	TH2252	PP công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh (**)	1	1513C09A (K13 CĐ Giáo dục Tiểu học)	21	22/05/17	07g00	A6104	GDTH&MN
				1513C09A (K13 CĐ Giáo dục Tiểu học)	21				
43.	TH2358	Toán học 2 (*)	1	1614C09A (K14 CĐ Giáo dục Tiểu học)	13	22/05/17	07g00	A6105	GDTH&MN
				1412C09A (K12 CĐ Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2017)	9				
44.	AN2271	Phối hợp xướng (**)	1	1412D60A (K12 ĐHSP Âm nhạc)	5	22/05/17	13g15	A18201	NGHỆ THUẬT
				1614D60T (K14 ĐH Sư phạm Âm nhạc (Liên thông))	3				

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
45.	TH2248	PPDH Âm nhạc ở tiểu học (*)	1	1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học)	25	22/05/17	13g15	A6102	GDTH&MN
				1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học)	25			A6103	
				1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học)	24			A6104	
				1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	1				
				1311D03A (K11 ĐH Giáo dục Tiểu học A - 2013 - 2017)	1				
46.	MN2347	LL&PP hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ em (**)	2	1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non)	26	22/05/17	13g15	A6105	GDTH&MN
				1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non)	26			A6106	
				1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non)	24			A6107	
47.	TC2237	Thể dục dụng cụ (**)	1	1412D70A (K12 ĐH Giáo dục Thể chất)	12	22/05/17	13g15	A7102	TDTT
48.	AN2210	Thanh nhạc 2 (**)	1	1513D60A (K13 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	14	23/05/17	07g00	A18201	NGHỆ THUẬT
49.	MT2260	Hình họa (3) (**)	1	1513D61A (K13 ĐH Sư phạm Mỹ thuật)	2	23/05/17	07g00	A18202	NGHỆ THUẬT
50.	TH2206	Ngôn ngữ học văn bản (*)	1	1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	31	23/05/17	07g00	A6102	GDTH&MN
				1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	31			A6103	
				1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	26			A6104	
				1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	25			A6105	
				1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	13			A6106	
				1614D03T (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học (Liên thông))	6				
				1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2018)	6				
51.	MN1271	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non (**)	2	1513D05A (K13 ĐH Giáo dục Mầm non A)	27	23/05/17	07g00	A6107	GDTH&MN
				1513D05T (K13 ĐH Giáo dục Mầm non (Liên thông))	1				
				1513D05A (K13 ĐH Giáo dục Mầm non A)	26			A6108	
				1614D05T (K14 ĐH Giáo dục Mầm non (Liên thông))	3				
52.	TC2353	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất (*)	1	1513D70A (K13 ĐH Giáo dục thể chất)	8	23/05/17	07g00	A7102	TDTT
				1311D70A (K11 ĐH Giáo dụcThể chất A - 2013 - 2017)	2				
				1412D70A (K12 ĐH Giáo dục Thể chất - 2014 - 2018)	1				

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
53.	TC2361	Cầu lông	1	1614D70A (K14 ĐH Giáo dục Thể chất)	7	23/05/17	07g00	A7103	TDTT
				1210C13A (K10 CĐ Giáo dục thể chất - Công tác Đội A - 2012 – 2015)	1				
54.	TG2213	Tâm lý học trẻ em 1 (**)	1	1614D05A (K14 ĐH Giáo dục Mầm non A)	26	23/05/17			
				1614D05A (K14 ĐH Giáo dục Mầm non A)	27			A6204	
				1614D05A (K14 ĐH Giáo dục Mầm non B)	27		13g15	A6203	
				1614D05A (K14 ĐH Giáo dục Mầm non B)	27			A6204	
				1513D05B (K13 ĐH Giáo dục Mầm non B)	2				
55.	TH2243	PPDH Tự nhiên và xã hội ở tiểu học (**)	1	1513C09A (K13 CĐ Giáo dục Tiểu học)	21	24/05/17	07g00	A6102	GDTH&MN
				1513C09A (K13 CĐ Giáo dục Tiểu học)	21			A6103	
				1614D03T (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học (Liên thông))	1				
56.	AN1259	Thực hành sư phạm âm nhạc (**)	1	1412D60A (K12 ĐHSP Âm nhạc)	5	24/05/17	13g15	A18201	NGHỆ THUẬT
				1614D60T (K14 ĐH Sư phạm Âm nhạc (Liên thông))	3				
57.	TH2251	PPDH Thể dục ở tiểu học (*)	1	1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học)	25	24/05/17	13g15	A6102	GDTH&MN
				1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học)	25			A6103	
				1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học)	24			A6104	
				1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	1				
				1311D03A (K11 ĐH Giáo dục Tiểu học A - 2013 - 2017)	1				
58.	MN2209	Múa và phương pháp dạy múa (**)	1	1614C08A (K14 CĐ Giáo dục Mầm non)	29	24/05/17	07g00	A6105	GDTH&MN
59.	MN2355	Múa và phương pháp dạy múa (**)	1	1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non)	26	24/05/17	13g15	A6105	GDTH&MN
				1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non)	26			A6106	
				1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non)	24			A6107	
60.	TC2255	Đẩy tạ (**)	1	1412D70A (K12 ĐH Giáo dục Thể chất)	12	24/05/17	13g15	A7102	TDTT
				1210D70A (K10 ĐH Giáo dục thể chất A - 2012 - 2016)	1				
61.	AN2222	Lịch sử âm nhạc phương tây (*)	1	1513D60A (K13 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	14	25/05/17	07g00	A18201	NGHỆ THUẬT
				1412D60A (K12 ĐHSP Âm nhạc - 2014 - 2018)	2				

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
62.	MT2278	Trang trí nội ngoại thất (**)	1	1513D61A (K13 ĐH Sư phạm Mỹ thuật)	2	25/05/17	07g00	A18203	NGHỆ THUẬT
				1210D61A (K10 ĐHSP Mỹ thuật A - 2012 - 2016)	1				
63.	TG2209	Đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học (*)	1	1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	31	25/05/17	07g00	A6102	TLGD
				1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	30			A6103	
				1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	25			A6104	
				1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	25			A6105	
				1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	14			A6106	
			1	1513D03T (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học (Liên thông))	1				
				1614D03T (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học (Liên thông))	7				
				1311D03A (K11 ĐH Giáo dục Tiểu học A - 2013 - 2017)	1				
				1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2018)	1				
64.	MN2360	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN (**)	1	1513D05A (K13 ĐH Giáo dục Mầm non A)	26	25/05/17	07g00	A6107	GDTH&MN
				1513D05A (K13 ĐH Giáo dục Mầm non A)	26			A6108	
65.	MN1272	Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non (**)	2	1513D05B (K13 ĐH Giáo dục Mầm non B)	28	25/05/17	07g00	A6203	GDTH&MN
				1513D05B (K13 ĐH Giáo dục Mầm non B)	27			A6204	
				1513D05T (K13 ĐH Giáo dục Mầm non (Liên thông))	1				
66.	TC2266	Cờ vua (**)	1	1513D70A (K13 ĐH Giáo dục thể chất)	7	25/05/17	07g00	A7102	TDTT
				1210D70A (K10 ĐH Giáo dục thể chất A - 2012 - 2016)	1				
67.	NV1201	Tiếng Việt thực hành (***)	5	1412D70A (K12 ĐH Giáo dục Thể chất)	10	25/05/17	13g15	A8203	KHXH&NV
68.	MT2286	Mỹ thuật (*)	1	1513C09A (K13 CĐ Giáo dục Tiểu học)	21	26/05/17	07g00	A6102	NGHỆ THUẬT
				1513C09A (K13 CĐ Giáo dục Tiểu học)	21			A6103	
				1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	1				

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
69.	MN1202	Tiếng Việt (**)	1	1614C08A (K14 CĐ Giáo dục Mầm non)	20	26/05/17	07g00	A6104	GDTH&MN
				1614C08A (K14 CĐ Giáo dục Mầm non)	9			A6105	
				1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	4				
				1513D05A (K13 ĐH Giáo dục Mầm non A)	4				
70.	TH2225	PPDH Toán học ở tiểu học 1 (**)	1	1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học)	25	26/05/17	13g15	A6102	GDTH&MN
				1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học)	25			A6103	
				1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học)	24			A6104	
				1311D03A (K11 ĐH Giáo dục Tiểu học A - 2013 - 2017)	1				
71.	MN2221	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non (*)	1	1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non)	25	26/05/17	13g15	A6105	GDTH&MN
				1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non)	25			A6106	
				1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non)	23			A6107	
72.	MN2304	Toán cơ sở (*)	2	1513D05B (K13 ĐH Giáo dục Mầm non B)	23	27/05/17	07g00	A6203	GDTH&MN
				1614D05T (K14 ĐH Giáo dục Mầm non (Liên thông))	3				
				1513D05B (K13 ĐH Giáo dục Mầm non B)	23			A6204	
				1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non - 2014 - 2018)	2				
73.	TG1202	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục (**)	5	1412D23A (K12 ĐHSP Sinh học - 2014 - 2018)	4	27/05/17	07g00	A6205	TLGD
				1513D61A (K13 ĐH Sư phạm Mỹ thuật)	1				
				1513D70A (K13 ĐH Giáo dục thể chất)	8				
				1311D70A (K11 ĐH Giáo dụcThể chất A - 2013 - 2017)	1				
				1513D60A (K13 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	13				
				1210D60A (K10 ĐHSP Âm nhạc A - 2012 - 2016)	2				
				1412D60A (K12 ĐHSP Âm nhạc - 2014 - 2018)	1				
				1311D03A (K11 ĐH Giáo dục Tiểu học A - 2013 - 2017)	1				
				1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2018)	4				
				1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	32			A6206	
				1614D70T (K14 ĐH Giáo dục Thể chất (Liên thông))	2				

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
	TG1202	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục (**)	5	1412D70A (K12 ĐH Giáo dục Thể chất - 2014 - 2018)	2	27/05/17	07g00	A6102	
				1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	32				
				1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	31		13g15	A6205	
				1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	31			A6206	
74.	MN1201	Văn học dân gian (*)	1	1614D05A (K14 ĐH Giáo dục Mầm non A)	27	27/05/17	13g15	A6203	GDTH&MN
				1614D05A (K14 ĐH Giáo dục Mầm non A)	27			A6204	
				1513D05A (K13 ĐH Giáo dục Mầm non A)	6			A7104	
				1614D05A (K14 ĐH Giáo dục Mầm non B)	27				
				1614D05A (K14 ĐH Giáo dục Mầm non B)	26			A7105	
				1614D05T (K14 ĐH Giáo dục Mầm non (Liên thông))	3				
75.	TC2249	Vệ sinh thể dục thể thao (**)	1	1614D70A (K14 ĐH Giáo dục Thể chất)	7	27/05/17	13g15	A7106	TDTT
				1210D70A (K10 ĐH Giáo dục thể chất A - 2012 - 2016)	1				
76.	MN2348	Lý luận và PP hướng dẫn trẻ làm quen với MT xung quanh (*)	1	1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	23	29/05/17	07g00	A6104	GDTH&MN
				1513D05T (K13 ĐH Giáo dục Mầm non (Liên thông))	1				
				1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	23			A6105	
				1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	23			A6106	
				1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non - 2014 - 2018)	8				
77.	TH2225	PPDH Toán học ở tiểu học 1 (**)	3	1513C09A (K13 CĐ Giáo dục Tiểu học)	21	29/05/17	07g00	A6107	GDTH&MN
				1513C09A (K13 CĐ Giáo dục Tiểu học)	21			A6108	
				1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	1				
78.	TH2308	Văn học 2 (***)	1	1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	27	29/05/17	07g00	A8203	GDTH&MN
				1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	26			A8204	
				1614D03T (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học (Liên thông))	6				
				1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	30		09g30	A8203	
				1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	29			A8204	
79.	AN2272	Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp (**)	1	1412D60A (K12 ĐHSP Âm nhạc)	5	29/05/17	13g15	Hội trường	NGHỆ THUẬT

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
80.	TH2249	Mỹ thuật (*)	1	1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học)	25	29/05/17	13g15	A6102	NGHỆ THUẬT
				1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học)	25			A6103	
				1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học)	24			A6104	
				1311D03A (K11 ĐH Giáo dục Tiểu học A - 2013 - 2017)	1				
81.	TC2288	Quần vợt(**)	1	1412D70A (K12 ĐH Giáo dục Thể chất)	12	29/05/17	13g15	A7102	TDTT
82.	AN1258	Nghệ thuật học đại cương(*)	1	1513D60A (K13 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	13	30/05/17	07g00	A18201	NGHỆ THUẬT
				1513D60T (K13 ĐH Sư phạm Âm nhạc (Liên thông))	1				
				1614D60T (K14 ĐH Sư phạm Âm nhạc (Liên thông))	3				
				1412D60A (K12 ĐHSP Âm nhạc - 2014 - 2018)	1				
83.	MT2457	Lịch sử mỹ thuật thế giới (*)	1	1513D61A (K13 ĐH Sư phạm Mỹ thuật)	2				
84.	AN2385	Âm nhạc (**)	1	1513D05A (K13 ĐH Giáo dục Mầm non A)	27	30/05/17	07g00	A6102	NGHỆ THUẬT
				1513D05B (K13 ĐH Giáo dục Mầm non B)	23			A6104	
				1513D05A (K13 ĐH Giáo dục Mầm non A)	26		09g30	A6103	
				1513D05B (K13 ĐH Giáo dục Mầm non B)	23			A6105	
				1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non - 2014 - 2018)	15		13g15	A6106	
85.	TC2245	Y học thể dục thể thao (*)	1	1513D70A (K13 ĐH Giáo dục thể chất)	8	30/05/17	07g00	A7102	TDTT
				1614D70T (K14 ĐH Giáo dục Thể chất (Liên thông))	2				
86.	MN2246	Lý luận và PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ em (*)	3	1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	23	31/05/17	07g00	A6102	GDTH&MN
				1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	23			A6103	
				1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	23			A6104	
87.	TH2263	PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 1 (**)	3	1513C09A (K13 CĐ Giáo dục Tiểu học)	21	31/05/17	07g00	A6105	GDTH&MN
				1513C09A (K13 CĐ Giáo dục Tiểu học)	21			A6106	
88.	AN2211	Phương pháp học đàn phím điện tử 1 (**)	1	1614D60A (K14 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	6	30/05/17	13g15	A18201	NGHỆ THUẬT
89.	AN2464	Hát đồng ca, Hợp xướng (**)	1	1412D60A (K12 ĐHSP Âm nhạc)	5	31/05/17	13g15	A16201	NGHỆ THUẬT

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
90.	TH2250	PPDH Mỹ thuật ở tiểu học (*)	1	1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học)	25	31/05/17	13g15	A6102	GDTH&MN
				1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học)	25			A6103	
				1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học)	24			A6104	
				1311D03A (K11 ĐH Giáo dục Tiểu học A - 2013 - 2017)	1				
91.	TC2344	Sinh lý thể dục thể thao (*)	1	1412D70A (K12 ĐH Giáo dục Thể chất)	11	31/05/17	13g15	A7102	TDTT
92.	AN2314	Hoà âm (*)	1	1513D60A (K13 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	14	1/06/17	07g00	A18201	NGHỆ THUẬT
				1614D60T (K14 ĐH Sư phạm Âm nhạc (Liên thông))	2				
				1210D60A (K10 ĐHSP Âm nhạc A - 2012 - 2016)	1				
				1412D60A (K12 ĐHSP Âm nhạc - 2014 - 2018)	1				
93.	MN2219	Đồ chơi (*)	2	1513D05A (K13 ĐH Giáo dục Mầm non A)	27	1/6/2017	07g00	A6103	GDTH&MN
				1513D05A (K13 ĐH Giáo dục Mầm non A)	26			A6104	
				1513D05B (K13 ĐH Giáo dục Mầm non B)	28			A6105	
				1513D05B (K13 ĐH Giáo dục Mầm non B)	27			A6106	
94.	TC2248	Thể dục thực dụng, đồng diễn và nhịp điệu (**)	1	1513D70A (K13 ĐH Giáo dục thể chất)	8	1/6/2017	07g00	A7102	TDTT
				1210D70A (K10 ĐH Giáo dục thể chất)	1				
95.	AN2209	Thanh nhạc 1 (**)	1	1614D60A (K14 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	6	1/6/2017	13g15	A18102	NGHỆ THUẬT
96.	TC2251	Chạy trung bình và chạy việt dã (**)	1	1614D70A (K14 ĐH Giáo dục Thể chất)	7	1/6/2017	13g15	A7103	TDTT

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
97.	MN2350	LL và PP tổ chức HĐ tạo hình cho trẻ em (*)	1	1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	23	2/6/2017	07g00	A10103	GDTH&MN
				1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	23			A10201	
				1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	23			A7201	
98.	TH1269	Giáo dục kỹ năng sống (**)	1	1513C09A (K13 CĐ Giáo dục Tiểu học)	16	2/6/2017	07g00	A7204	GDTH&MN
				1614D03T (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học (Liên thông))	7				
99.	TG2307	TLH lứa tuổi và TLH sư phạm tiểu học (*)	1	1614C09A (K14 CĐ Giáo dục Tiểu học)	13	2/6/2017	07g00	A7205	TLGD
				1311D03A (K11 ĐH Giáo dục Tiểu học A - 2013 - 2017)	1				
				1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2018)	4				
				1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	2				
100.	AN2212	Phương pháp học đàn phím điện tử 2 (**)	1	1513D60A (K13 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	14	3/06/17	07g00	A18201	NGHỆ THUẬT
				1210D60A (K12 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	1				
101.	TG2216	Giáo dục học trẻ em 2 (*)	2	1513D05A (K13 ĐH Giáo dục Mầm non A)	20	3/6/2017	07g00	A10103	TLGD
				1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non - 2014 - 2018)	4				
				1513D05A (K13 ĐH Giáo dục Mầm non A)	20			A10201	
				1513D05T (K13 ĐH Giáo dục Mầm non (Liên thông))	1				
				1513D05B (K13 ĐH Giáo dục Mầm non B)	28			A7204	
				1513D05B (K13 ĐH Giáo dục Mầm non B)	27			A7205	
			1	1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	23		09g15	A10103	
				1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	24			A10201	
				1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	23			A7204	

STT	Mã MH	Học phần	Nhóm	Lớp học phần	Số SV	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Khoa tổ chức thi
102.	TC2458	Bóng chuyền (**)	1	1513D70A (K13 ĐH Giáo dục thể chất)	8	3/6/2017	07g00	A7201	TDTT
103.	TG1205	Tâm lý học đại cương (***)	3	1614D03A (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	21	3/6/2017	13g15	A10201	TLGD
				1614D03A (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	20			A10103	
				1614D70A(K14 ĐH Giáo dục Thể chất)	7				
				1614D03A (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	21			A7201	
				1614D03A (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	21			A7204	
				1412D70A (K12 ĐH Giáo dục Thể chất - 2014 - 2018)	1			A7205	
				1311D70A (K11 ĐH Giáo dụcThể chất A - 2013 - 2017)	1				
				1614D60A (K14 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	6				
				1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	11				

Chú thích: (*) - Học phần thi tự luận
(**) - Học phần thi vấn đáp, thực hành
(***) - Học phần thi trắc nghiệm.

Phú Thọ, ngày 03 tháng 5 năm 2017

KT.HIỆU TRƯỞNG
P.Hiệu trưởng

Đỗ Tùng

TRUNG TÂM ĐBCL
Giám đốc

Nguyễn Ánh Hoàng

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thành Trung